

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS - ST  
Ngày: 08 - 6 - 2021  
V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt;
2. Bà Đinh Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 31/12/2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- DS ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội.**

Địa chỉ: 169 L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S. ( Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của ông Dương Quyết Th).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn: Anh Đinh Văn Tr, sinh năm 1983 và chị Đinh Thị Th, sinh năm 1986.**

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

*Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Mỹ H – Cán bộ làm công tác xã hội tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:*

Vào ngày 25/6/2014, vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo chương trình vốn vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000 đồng, mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000701813110; lãi suất 0,8%/ tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; số tiền trả nợ 1.300.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/6/2019; ngày 21/6/2019 anh Tr, chị Th đề nghị gia hạn thêm một năm đến ngày 21/6/2020 với số tiền gia hạn vay 10.000.000 đồng và được Ngân hàng đồng ý. Ngày 20/3/2016 anh Tr, chị Th tiếp tục vay vốn của Ngân hàng theo chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền 40.000.000 đồng, mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000706775520; lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/3/2021.

Quá trình thực hiện vốn vay, anh Tr và chị Th vẫn trả lãi hàng tháng đúng quy định nhưng bắt đầu từ ngày 21/6/2020 cho đến nay anh Tr, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Sau khi phát hiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã làm việc tại chính quyền địa phương xã S và tổ chức hội đoàn thể quản lý thì mới biết anh Đinh Văn Tr không có mặt tại địa phương, còn chị Đinh Thị Th cố tình trốn tránh. Ngân hàng đã liên hệ, yêu cầu chính quyền địa phương và tổ chức hội đoàn thể quản lý can thiệp, tìm kiếm thông tin nơi cư trú mới của anh Tr nhưng không có tin tức gì nên không biết hiện anh Tr đang ở đâu.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 08/6/2021 là 53.408.274 đồng; trong đó, nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 3.408.274 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ. Bao gồm các khoản sau:

Nợ vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 10.625.807 đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.000.000 đồng, lãi 625.807 đồng, theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/6/2014 và giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 21/6/2019 (Mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000701813110).

Nợ vay chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền 42.782.467 đồng. Trong đó, nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 2.782.467 đồng, theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương

án sử dụng vốn vay ngày 17/3/2016 (Mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000706775520).

*Đối với bị đơn anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Tr cư trú thì được biết anh Tr đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 4/2020 đến nay không có tin tức gì, không biết địa chỉ nơi cư trú mới và không rõ thời điểm trở về, chị Th cũng không biết anh Tr ở đâu. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Tr và chị Th vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua xác minh tại địa phương, xác định bị đơn anh Đinh Văn Tr đã vắng mặt tại địa phương nơi cư trú từ tháng 4/2020 đến nay không có tin tức gì. Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đầy đủ được quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Tr, chị Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đồng thời nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy việc Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 08/6/2021 là 53.408.274đồng; trong đó, nợ gốc là 50.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 3.408.274đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội và buộc vợ chồng anh Đinh Văn Tr, chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/6/2021 là 53.408.274đồng; trong đó: Tiền gốc của hai khoản vay là

50.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 3.408.274đồng và lãi phát sinh sau ngày 08/6/2021 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là cá nhân ký hợp đồng vay với mục đích phục vụ nhu cầu cuộc sống, vì vậy đây là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các thủ tục tố tụng nhưng anh Tr không có ở nhà, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Tr thì được biết anh Tr đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2020 đến nay không có tin tức gì về nơi cư trú mới và không rõ thời điểm trở về. Do đó, Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Tr, chị Th vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay ký ngày 25/6/2014 với mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000701813110. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 25/6/2014, anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th có vay vốn của Ngân hàng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; số tiền trả nợ 1.300.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/6/2019; đến ngày 21/6/2019 anh Tr, chị Th đề nghị gia hạn thêm một năm đến ngày 21/6/2020 với số tiền gia hạn vay 10.000.000đồng và được Ngân hàng đồng ý.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Tr và chị Th chỉ trả gốc và lãi hàng tháng đến 20/6/2020, từ ngày 21/6/2020 đến nay anh Tr, chị Th không thanh toán tiền gốc và lãi

cho Ngân hàng. Tính đến ngày 08/6/2021, anh Tr, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 10.000.000đồng, nợ tiền lãi là 625.807đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất thỏa thuận là phù hợp với với các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay ký ngày 20/3/2016 với mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000706775520, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 20/3/2016, anh Tr, chị Th vay vốn của Ngân hàng theo chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/3/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Tr và chị Th đã vi phạm cam kết về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc. Tính đến ngày 08/6/2021, anh Tr, chị Th còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 2.782.467đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất thỏa thuận là phù hợp với với các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng chính sách xã hội không phải nộp án phí.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện S.**

Buộc vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện S số tiền tính đến ngày 08/6/2021 là 53.408.274đồng; trong đó, nợ gốc là 50.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2021 là 3.408.274đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ. Bao gồm các khoản sau:

Nợ vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 10.625.807đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.000.000đồng, lãi 625.807 đồng, theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/6/2014 và giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 21/6/2019 (Mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000701813110).

Nợ vay chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền 42.782.467đồng. Trong đó, nợ gốc 40.000.000đồng, nợ lãi 2.782.467đồng, theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 17/3/2016 (Mã khách hàng 3500048356 và mã vốn vay 6600000706775520).

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Vợ chồng anh Đinh Văn Tr và chị Đinh Thị Th phải nộp số tiền 2.670.413đồng (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười ba đồng*). Ngân hàng chính sách xã hội không phải nộp án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trần Mến**







